

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Đảm bảo các điều kiện CSVC kỹ thuật phục vụ đào tạo và NCKH của GV, HV là một trong những yêu cầu quan trọng để đảm bảo chất lượng giáo dục. Trường đã từng bước hoàn thiện về CSVC, có kế hoạch đầu tư cụ thể nhằm tăng diện tích phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phục vụ HV, tăng cường ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý, điều hành. Với nguồn lực hiện có, Trường luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành CNKTMT phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hiện nay, Trường và các khoa chuyên môn đảm nhận giảng dạy CTĐT chuyên ngành CNKTMT trình độ thạc sĩ (gồm Khoa MT-TN&BDKH) có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành. Các lớp của chương trình được bố trí, sắp xếp lịch giảng dạy và học tập tại cơ sở 140 Lê Trọng Tấn - Phường Tây Thạnh - Quận Tân Phú, với tỷ lệ diện tích phòng học trên 1 HV là 1,5 m²/HV. Tổng diện tích phòng học cơ sở này là 42.733 m². Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo bao gồm văn phòng là 3.094 m². Phòng làm việc được trang bị máy lạnh, máy tính, máy in, máy scan, tủ đựng tài liệu cho từng bộ môn và các trang thiết bị đảm bảo [H9.09.01.01-03].

Bảng 9.1: Số liệu CSVC phục vụ chương trình Cao học ngành KTMT

Nội dung	Đơn vị tính	Sử dụng cho chương trình Cao học KTMT		
		2018	2019	2020
Diện tích xây dựng cơ sở đào tạo	m ²	191.344,3	191.344,3	191.344,3
1. Phòng làm việc cán bộ quản lý, GV	m ²	95	95	95
- Số phòng	phòng	1	1	1

- Diện tích sử dụng	m ²	95	95	95
- Diện tích bình quân/HV	m ² /người			
2. Giảng đường/ phòng học	m ²	12.628	12.628	12.628
- Số phòng	Phòng	119	119	119
- Diện tích sử dụng	m ²	12.628	12.628	12.628
3. Hội trường				
- Số phòng	Phòng		1	
- Diện tích sử dụng	m ²		2.000	
4. Phòng máy tính			25	
- Diện tích sử dụng	m ²		1.500	
- Số máy tính sử dụng được	máy tính		1027	
- Số máy tính nối mạng ADSL	máy tính		1027	
5. Thư viện				
- Số phòng	Phòng		>10	
- Diện tích sử dụng	m ²		1.731	
6. Nhà thi đấu đa năng, sân bãi thể dục, thể thao	m ²		>16.000	

Các phòng học của các lớp Cao học chuyên ngành CNKTMT của Trường đều được trang bị đầy đủ máy lạnh, bàn ghế, bảng, hệ thống chiếu sáng, hệ thống âm thanh, máy chiếu... [H9.09.01.02-03].

Để thuận tiện cho GV và HV khai thác các trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ dạy và học tại các phòng học và hội trường, các nhân viên phòng QTTB trực suốt trong các buổi học để quản lý tình hình sử dụng thiết bị và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong quá trình sử dụng.

Hàng năm, Trường đều có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm mới và tăng cường máy móc, thiết bị được trang bị tại các phòng học, các đơn vị Phòng Ban, Khoa. Phòng QTTB thường xuyên tổ chức kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị đồng thời tổ chức mua sắm mới các máy móc, thiết bị. Do vậy, các thiết bị trong các phòng học và hội trường đều đảm bảo chất lượng, cơ bản đáp ứng đủ các yêu cầu của hoạt động đào tạo [H9.09.01.03].

Đồng thời, Trường đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng cho thấy học viên hài lòng về phòng học đáp ứng các nhu cầu học tập [H9.09.01.04].

3. Điểm mạnh:

Các phòng làm việc và phòng học được trang bị các thiết bị, công cụ phù hợp với yêu cầu của việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Số lượng phòng học, hội trường đảm bảo số lượng và chất lượng phục vụ tốt trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

4. Mặt tồn tại

Diện tích thư viện còn hạn chế nên chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đọc sách tại chỗ của GV và HV. Ngoài ra, số lượng đầu sách bổ sung hàng năm cho thư viện còn hạn chế.

5. Kế hoạch hành động

Trong năm 2018-2019, Trường xây dựng quy trình và thực hiện việc lấy ý kiến các bên liên quan, trong đó có nội dung lấy ý kiến phản hồi về CSVC, trang thiết bị. Đồng thời, Trường giao cho phòng Quản trị - Thiết bị tiếp tục đầu tư cải tạo hệ thống phòng học, trang bị thêm máy lạnh ở dãy nhà A và B, bố trí thêm phòng làm việc cho GV, phòng chức năng phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH.

6. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả:

Thư viện Trường được thành lập từ năm 1999 trực thuộc Phòng Đào tạo Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM, đến năm 2010 Thư viện được đổi tên thành Trung tâm Thông tin – Thư viện theo quyết định số 357/QĐ-TCNTP ngày 15/5/2010 [H9.09.02.01]. Hiện nay, hệ thống thư viện trường được sắp xếp, bố trí hợp lý phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại cơ sở đào tạo của Trường [H9.09.02.02]. Tại các phòng chức năng ở các cơ sở của thư viện đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị thiết yếu để hoạt động, ngoài hệ thống máy tính phục vụ truy cập internet cho người sử dụng, Thư viện còn trang bị hệ thống wifi phục vụ truy cập từ các thiết bị cá nhân. Các trang thiết bị được định kỳ sửa chữa đảm bảo phục vụ người sử dụng tốt nhất

[H9.09.02.03]. Thư viện có trang thông tin điện tử (website) tại địa chỉ <http://thuvien.hufi.edu.vn>, để phục vụ người sử dụng tra cứu thông tin dễ dàng hơn.

Để phục vụ cho các HV cao học với điều kiện đặc thù chỉ có thể tiếp cận thư viện vào buổi tối và cuối tuần, Thư viện tăng cường thời gian phục vụ các đối tượng ngoài giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6 (7h30 đến 18h00) và thứ 7 (7h30 đến 16h30) theo hình thức kho mở. Nhằm quản lý thư viện hiệu quả, thư viện đã xây dựng hệ thống hướng dẫn, quy định và các quy trình sử dụng thư viện một cách khoa học và hợp lý... tạo điều kiện cho người sử dụng tiếp cận với các dịch vụ tại thư viện [H9.09.02.04].

Hàng năm, Thư viện phối hợp với khoa chuyên môn trong việc bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo thể hiện qua quy trình bổ sung tài liệu [H9.09.02.05]. Tính đến tháng 12/2020, tài liệu phục vụ cho chương trình cao học chuyên ngành CNKTMT là 7.983 đầu sách, cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung. Ngoài ra, thư viện có hệ thống cơ sở dữ liệu Proquest, cơ sở dữ liệu bài trích báo - tạp chí và một số ebooks thuê quyền truy cập từ Nhà Xuất bản Tổng hợp. Riêng đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh còn được Nhà trường cấp một tài khoản để có thể truy cập thông tin và tài liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ [H9.09.02.06]. Bên cạnh nguồn tài liệu bổ sung, thư viện còn nhận được nguồn tài liệu tài trợ từ Quỹ Châu Á, các cán bộ - GV trong và ngoài trường [H9.09.02.07]. Đồng thời, Thư viện cũng tiến hành áp dụng các tiêu chuẩn nghiệp vụ tiên tiến vào công tác xử lý tài liệu, tổ chức kho và phục vụ. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng tiếp cận các nguồn học liệu có giá trị của thư viện. Thư viện cũng lưu trữ đầy đủ hệ thống đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo trình độ ThS chuyên ngành CNKTMT [H1.01.01.08].

Thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện PSC zLIS 7.0 (Library Information System của Công ty PSC – Pyramid Software and Consulting) để quản lý tài nguyên, quản lý người sử dụng, phục vụ mượn trả tài liệu bằng công nghệ mã vạch... theo dõi hoạt động của thư viện và các nguồn học liệu nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.02.09]. Từ tháng 01/2019, Thư viện tại cơ sở chính đã áp dụng công nghệ RFID cho việc đảm bảo an ninh và cho phép kiểm kê tài liệu, định hướng phát triển thư viện theo hướng tự động hóa [H9.09.02.10].

Hàng năm, Thư viện phối hợp với TT. QLCL tổ chức lấy ý kiến người sử dụng thông qua hình thức gửi phiếu khảo sát. Các kết quả khảo sát giúp Thư viện có thông tin để đề xuất bổ sung tài liệu, đầu tư CSVC và cải tiến các dịch vụ... đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu của từng chuyên ngành [H9.09.02.11].

Thư viện Trường hiện là thành viên của Liên Chi hội Thư viện Đại học phía Nam và Hội Thư viện Việt Nam. Cán bộ - Nhân viên Thư viện thường xuyên được trao đổi thông tin, kinh nghiệm và được hỗ trợ nghiệp vụ từ Hội và Liên Chi hội [H9.09.02.12]. Thư viện Trường còn hợp tác với các thư viện trường ĐH có cùng chuyên ngành đào tạo để trao đổi, chia sẻ tài nguyên thông tin [H9.09.02.13].

2. Điểm mạnh

Thư viện tổ chức quản lý hệ thống tài liệu một cách khoa học và tạo điều kiện tốt nhất cho người sử dụng bằng nhiều phương tiện khác nhau. Các cơ sở học tập của trường đều có Thư viện nên rất thuận tiện, người sử dụng không mất thời gian đi lại để sử dụng thư viện. HV có thể tiếp cận nguồn tài liệu phong phú tại bất cứ thời điểm và địa điểm nào không cần phải tới trường với tài khoản được nhà trường cấp. Cán bộ thư viện đáp ứng tốt yêu cầu trong phục vụ và trong công tác chuyên môn.

3. Điểm tồn tại:

Nguồn học liệu bằng tiếng Anh hiện có tại Thư viện để phục vụ cho chuyên ngành CNKTMT còn chưa phong phú. Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2018-2019, Trường có chủ trương cải tạo, nâng cấp, mở rộng diện tích thư viện lên 1500 m². Khoa chủ động đề xuất danh mục sách và tạp chí khoa học phục vụ ngành CNKTMT bổ sung tại thư viện vào đầu năm học.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả:

Phòng thí nghiệm phục vụ ngành CNKTMT hiện có 19 phòng, bao gồm: 10 phòng thí nghiệm cơ sở, 03 phòng thí nghiệm chuyên ngành. Trang thiết bị thực hành tại các phòng TN đầy đủ phục vụ các học phần thực hành và luận văn của CTĐT ngành CNKTMT. Số lượng thiết bị thực hành cho ngành CNKTMT hiện nay là 523 thiết bị, trong đó có 318 thiết bị phân

tích cơ bản (cân phân tích; tủ sấy; lò nung; máy quang phổ UV-Vis; máy ly tâm lạnh; tủ cấy cấp 2, tủ ẩm, nồi hấp...), 110 thiết bị phân tích hiện đại (HPLC với các đầu dò MS, DAD, FLD, RID; GC-MS-MS; Scanning Electron Microscopy 4; FAAS-Flame Atomic Absorption Spectroscopy; XRD-Xray diffraction; PCA; Elisa ...), **[H9.09.03.01]**.

Tất cả phòng thí nghiệm có nội quy, quy định và các quy trình quản lý. 100% máy móc thiết bị có bảng hướng dẫn sử dụng, được bảo trì định kỳ 1 tháng/lần đến 1 năm/lần (tùy loại thiết bị) và sửa chữa kịp thời khi hư hỏng **[H9.09.03.02]**.

Việc rà soát tình trạng trang thiết bị thực hành được thực hiện thông qua: nhật ký sử dụng thiết bị, thống kê số giờ vận hành từng loại thiết bị, kiểm kê tài sản cuối mỗi năm. Ngoài ra, Trường còn tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về diện tích, chất lượng phòng TNTH, trang thiết bị thực hành.

Từ kết quả rà soát CSVC, trang thiết bị thực hành, hàng năm nhà trường đầu tư mua sắm mới các thiết bị hiện đại, thay thế các thiết bị cũ hỏng. Trong năm học 2018-2019, số lượng thiết bị mua mới phục vụ ngành CNKTMT là hơn 20 thiết bị. Theo kế hoạch, trong năm 2020, Trường triển khai giai đoạn 2 xây dựng TT.TNTH để tăng số lượng và diện tích phòng thí nghiệm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV và GV **[H9.09.03.03]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Trung tâm TNTH riêng biệt, với diện tích lớn, xây dựng mới, hiện đại, trang thiết bị được đầu tư phù hợp với nhu cầu đào tạo và NCKH của GV và SV. Khoa MT-TN&BDKH có phòng TNTH chuyên ngành, thuận lợi cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Tại các phòng TNTH còn một số thiết bị cũ, số lượng phòng thí nghiệm và thiết bị chưa đủ để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH trong thời gian học viên Khoá luận tốt nghiệp. Việc quản lý bằng sổ sách, giấy tờ dẫn đến dữ liệu quản lý không được xuyên suốt và chia sẻ, gây khó khăn và mất thời gian trong việc quản lý dụng cụ, trang thiết bị cũng như việc giám sát, tổng hợp dữ liệu.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2019, Trường tiếp tục xây dựng tòa nhà thứ 2 tại TT. TNTH, tăng số lượng và diện tích phòng TNTH, đồng thời giao thêm cho các khoa một số PTN, trong đó có khoa MT-TN&BDKH. Khoa cũng chủ động đề xuất với trường tiếp tục đầu tư trang thiết bị mới nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của học viên và GV ngành KTMT. Khoa giao cho nhóm quản lý phòng TN xây dựng quy trình quản lý phòng TN của khoa, triển

khai hệ thống quản lý trực tuyến E-lab nhằm quản lý hiệu quả hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của GV và SV trong việc sử dụng trang thiết bị TNTH, giảm bớt hồ sơ, sổ sách giấy.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường và các khoa có hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông, trang thông tin điện tử...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.01].

Trường đã nâng cấp và phủ sóng wifi toàn trường của tất cả các cơ sở đào tạo, tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm tài liệu trên mạng của giảng viên và HV. Hệ thống wifi được xây dựng và đưa vào sử dụng tại các cơ sở đào tạo và cơ sở chính của Trường bao gồm hệ thống wifi cho GV, CBVC; hệ thống wifi cho HV, khách vắng lai. Tài khoản đăng nhập hệ thống wifi đều phổ biến công khai đến các đối tượng sử dụng [H9.09.04.02-03].

Hệ thống CNTT được duy tu, bảo dưỡng và cập nhật kịp thời để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng thuộc Trung tâm CNTT, có nhiệm vụ đảm bảo sự hoạt động ổn định của hệ thống mạng. Trung tâm CNTT của Trường được trang bị máy chủ server, nhiều máy vi tính và thiết bị mạng. Hệ thống mạng ở các cơ sở của Trường từ khu vực văn phòng, phòng học, thư viện, ký túc xá đều được kết nối với mạng nội bộ Trường, kết nối mạng Internet cáp quang, hệ thống wifi nên đã hỗ trợ khá tốt cho các hoạt động dạy và học và quản lý. Kiểm tra, giám sát và xử lý các vấn đề phát sinh trong quản lý, vận hành hệ thống mạng, sự cố trang thiết bị tin học của khoa và Trường [H09.09.04.04].

Trường đã triển khai sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử [H09.09.04.05].

Hàng năm, Trường lập kế hoạch khảo sát và tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của HV và giảng viên về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT [H06.06.04.06].

2. Điểm mạnh

Trường luôn quan tâm và nâng cấp chất lượng hệ thống CNTT, cả phần cứng lẫn phần mềm. Mỗi cán bộ công nhân viên đều có tài khoản và mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống nội bộ của Trường tạo sự thuận tiện nhất cho việc truy cập hệ thống thông tin của Trường.

3. Điểm tồn tại

Với sự phát triển không ngừng của CNTT hiện nay, các thiết bị tin học đang sử dụng sẽ dần lạc hậu, trong khi đó kinh phí của Trường còn eo hẹp trong việc trang bị mới các thiết bị tin học.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2018-2019, Trường sẽ khắc phục một số tính năng chưa hoàn thiện của hệ thống phần mềm EPMT, giao cho TT. QLCL thực hiện định kỳ 1 lần/năm việc lấy ý kiến phản hồi của học viên về CSVC nói chung và hệ thống CNTT nói riêng.

Khoa MT-TN&BDKH tiếp tục khai thác các ưu thế của website và hệ thống thông tin nội bộ trong công tác quản lý và trao đổi thông tin, đồng thời xây dựng thêm hệ thống E-classroom hỗ trợ học tập trực tuyến và hệ thống quản lý phòng TN E-lab hỗ trợ công tác quản lý dụng cụ, trang thiết bị và các hoạt động của các lớp TH tại phòng TN của Khoa.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Bổ sung thêm thông tin về Trường thực hiện theo **Các văn bản/chính sách quy định/hướng dẫn về môi trường, an toàn, sức khỏe trong Nhà trường của các Bộ/ngành liên quan [H9.09.05.01]. Các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn do Nhà trường ban hành [H9.09.05.02].**

Tất cả các cơ sở học của Trường đều được trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn, phòng chống cháy nổ. Các thiết bị này còn đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng theo quy định. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Mỗi cơ sở đào tạo đều thành lập đội phòng cháy chữa cháy; ban hành các quy định, hướng dẫn về phòng cháy chữa cháy, phương án chữa cháy tại chỗ; đồng thời tại các cơ sở đều đặt ít nhất 4 bình PCCC tại mỗi tầng

lâu, có hệ thống đèn dẫn, lối đi thoát hiểm để khi có sự cố xảy ra, tất cả các phòng, khoa đều kịp thời ứng cứu. Công tác phòng cháy chữa cháy của Trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn Trường. Hàng năm, chính quyền địa phương tổ chức các đợt bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho lực lượng chuyên trách bảo vệ của Trường; đồng thời Trường còn tổ chức các buổi huấn luyện và thực tập phòng cháy chữa cháy cho tất cả cán bộ, giảng viên, viên chức của Trường. Trường đã có phương án trực 24/24 giờ tại tất cả các cơ sở trong các ngày làm việc, ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ, tết [H9.09.05.03].

Để đảm bảo an ninh trường học, Trường xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho cán bộ và giảng viên thống nhất thực hiện trong toàn Trường. Đội ngũ bảo vệ trực 24/24 đảm bảo trật tự, an ninh trong Trường luôn được đảm bảo. Lực lượng bảo vệ ở các cơ sở này có nhiệm vụ tiến hành các hoạt động hợp pháp để phát hiện, ngăn chặn mọi hành vi xâm phạm, phá rối xung quanh Trường, hướng dẫn khách và các phương tiện lưu thông ra vào Trường, phát hiện và xử lý bước đầu khi có sự cố cháy, nổ xảy ra. Bên cạnh đó để đảm bảo an ninh, an toàn trong môi trường đào tạo, Trường lắp đặt hệ thống camera quan sát tại các cơ sở đào tạo [H9.09.05.03].

Trường có phòng y tế riêng, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của HV khi gặp vấn đề về sức khỏe. Các cơ sở học của Trường đều đảm bảo vệ sinh môi trường, có khuôn viên trồng cây xanh và có phòng y tế với quy mô đảm bảo, có đầy đủ thuốc men, dụng cụ sơ cấp cứu phục vụ HV và giảng viên. Định kỳ vào tháng 12 hằng năm, Trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhằm đảm bảo sức khỏe cho cán bộ trong công tác [H9.09.05.03].

Hàng năm Trường có thực hiện báo cáo đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn [H9.09.05.04].

Theo kết quả khảo sát của Trường, 96,6 % HV hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn của cơ sở đào tạo [H6.06.04.05].

2. Điểm mạnh

Có phòng y tế độc lập, trực thuộc Trường phục vụ tốt nhu cầu y tế ban đầu của cán bộ và HV. Trường có bộ phận chuyên trách làm công tác bảo vệ, có chuyên môn và tinh thần trách nhiệm; hệ thống báo cháy, báo trộm và các thiết bị chữa cháy tốt.

Trường có các kế hoạch tác chiến cụ thể và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng an ninh của địa phương. Trật tự, an ninh trong Trường được đảm bảo.

3. Điểm tồn tại:

Trong phòng học chưa bố trí chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2018-2019, Trường sẽ sửa chữa một số khu vực ở tầng trệt, đồng thời lắp đặt một số thang máy, nhà vệ sinh để phù hợp với nhu cầu của học viên khuyết tật. Trường cũng giao phòng TCHC hoàn thiện một số quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 5/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 9

Trường và Khoa MT-TN&BĐKH trang bị đầy đủ cơ sở hạ tầng và trang thiết bị, đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật môi trường hiện nay. Phòng thí nghiệm, thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH. Thư viện của Trường tuy diện tích chưa lớn nhưng được trang bị khá hiện đại, với số lượng sách và đầu sách chuyên ngành đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT của trường và khoa hỗ trợ tốt cho việc học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, GV và học viên. Tuy nhiên, do diện tích hạn chế nên không gian làm việc tại văn phòng khoa hay không gian đọc tại thư viện chưa hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu của GV và học viên. Trang thiết bị TNTH một số còn cũ và chưa hoàn toàn đủ vào những thời kỳ cao điểm; nguồn nhân lực quản lý còn mỏng và yếu nên chưa đáp ứng được toàn bộ nhu cầu NCKH của học viên. Bên cạnh đó, việc trang bị cơ sở hạ tầng phù hợp với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật còn hạn chế. Trường đã thấy rõ điều đó, nên trong các cuộc họp đã có đề cập đến các chính sách lưu ý đến nhu cầu người khuyết tật trong chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường của mình.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 9:

	Thang đánh giá	Tổng hợp theo tiêu chuẩn
--	-----------------------	---------------------------------

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 9.1					X			5,4	5	100
Tiêu chí 9.2					X					
Tiêu chí 9.3						X				
Tiêu chí 9.4						X				
Tiêu chí 9.5					X					